

Số: 592 /QĐ-UBND

Dân Tiến, ngày 31 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận danh sách Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ DÂN TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 về việc hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021;

Căn cứ Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện Võ Nhai về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Võ Nhai năm 2022;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã Dân Tiến giai đoạn 2022-2025

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách Hộ nghèo, Hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2022 trên địa bàn xã Dân Tiến:

(có biểu danh sách kèm theo)

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận tại Quyết định này.

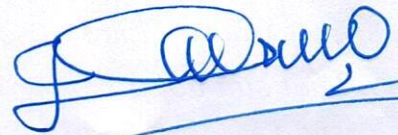
Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế xã hội khác năm 2023 trên địa bàn xã Dân Tiến.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND xã, Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã Dân Tiến, các ông (bà) trưởng xóm và các hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các đoàn thể xã;
- UBND huyện;
- Phòng LĐTĐ huyện

CHỦ TỊCH



Trần Lê Dũng

UBND XÃ DÂN TIẾN

DANH SÁCH HỘ THOÁT NGHÈO, HỘ THOÁT CẠN NGHÈO NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 592/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Dân Tiến)

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	năm sinh	Địa chỉ xóm	Ghi chú
I.	Hộ thoát nghèo				
1	Lý Văn Ninh	H'Mông	1979	Lân Vai	
2	Hoàng Văn Phùng	H'Mông	1969	Lân Vai	
3	Hoàng Khinh	H'Mông	1965	Lân Vai	
4	Trần Thị Phương	nùng	1979	Đồng Rã	
5	Nông Thị Thao	nùng	1962	Đồng Rã	chết
6	Vi Văn BĂNG	nùng	1983	Đồng Rã	
7	Nông Thị Ngân	nùng	1992	Đồng Rã	
8	Hà Thị Thơm	nùng	1992	Đồng Rã	
9	Hà Thị Ty	Tày	1956	Bắc Phong	
10	Hoàng Văn Tu	mông	1995	Bắc Phong	
11	Nguyễn Huy Dung	kinh	1935	Tân Tiến	CHẾT
12	Lê Thị Lý	kinh	1986	Tân Tiến	
13	Lê Văn Huynh	kinh	1982	Tân Tiến	
14	<u>Võ Minh Chiến</u>	<u>sê đăng</u>	<u>1984</u>	Đồng Chuối	
15	Dương Tiến May	kinh	1950	Đoàn Kết	chết
16	Lê Văn Tuấn	kinh	1981	Đoàn Kết	
17	Đỗ Văn Thanh	kinh	1957	Đoàn Kết	
18	Phạm Thị Thắm	kinh	1989	Đoàn Kết	
19	Đặng Thị Xuyên	kinh	1965	Đoàn Kết	
20	Đình Văn Bôn	kinh	1989	Ba Phiêng	
21	Đình Thị Loan	kinh	1977	Ba Phiêng	
22	Vũ Thị Hậu	kinh	1981	Ba Phiêng	
23	Hoàng Thị Thực	Cao Lan	1981	Đồng Vôi	
24	Trần Văn Phong	Cao Lan	1980	Đồng Vôi	
25	Đàm thị Chung	Cao Lan	1990	Đồng Vôi	
26	Trần Lâm Hồ	Cao Lan	1983	Đồng Vôi	
27	Đàm Văn Hải	Cao Lan	1988	Đồng Vôi	
28	Đàm Văn Dũng	Cao Lan	1979	Đồng Vôi	
29	Đàm Văn Đa	Cao Lan	1961	Đồng Vôi	
30	Trần Văn Khóa	Cao Lan	1993	Đồng Vôi	
31	Triệu Văn Điền	Cao Lan	1962	Làng Chẽ	

32	Trần Thị Tịch	Cao Lan	1977	Làng Chẽ	
33	Hoàng Văn Đông	Cao Lan	1973	Làng Chẽ	
34	Hoàng Văn Bắc	Cao Lan	1984	Làng Chẽ	
35	Hoàng Văn Thanh	Cao Lan	1973	Làng Chẽ	
36	Hoàng Văn Bấy	Cao Lan	1986	Làng Chẽ	
37	Dương Văn Tài	Cao Lan	1989	Làng Chẽ	
38	Trần Văn Thúc	Cao Lan	1975	Làng Chẽ	
39	Triệu thị chiến	Cao Lan	1966	Làng Chẽ	
40	Hoàng Văn Tự	Cao Lan	1979	Làng Chẽ	
41	Trần Thị Đàn	Cao Lan	1953	Làng Chẽ	
42	Nịnh Ngọc Văn	Cao Lan	1992	Làng Chẽ	
43	Trần Văn Chí	Cao Lan	1970	Làng Chẽ	
44	Đàm Văn Lành	Cao Lan	1973	Đồng Quán	
45	Đàm Văn Điện	Cao Lan	1959	Đồng Quán	
46	Đàm Văn Thiết	Cao Lan	1982	Đồng Quán	
47	Hoàng Văn Nghị	Cao Lan	1981	Phương Bá	
48	Giáp Văn Sơn	kinh	1978	Thịnh Khánh	
49	Triệu Tài Thanh	Dao	1985	Làng Mườì	
50	Triệu Tiến Sang	Dao	1984	Làng Mườì	
51	Đặng Đức Lâm	Dao	1985	Làng Mườì	
52	Triệu Nho Tiếp	Dao	1989	Làng Mườì	
53	Lý Tiến Chung	Dao	1961	Làng Mườì	
54	Đặng Văn Minh	Dao	1958	Làng Mườì	
55	Đặng Văn Thanh	Dao	1969	Làng Mườì	
56	Nông Thị Hằng	Tày	2001	Làng Mườì	chuyển
57	Đặng Đức Sinh	Dao	1989	Làng Mườì	
58	Nguyễn Văn Hoa	kinh	1970	Làng Mườì	
59	Phan Văn Đại	Dao	1988	Làng Mườì	
II.	Hộ thoát cận nghèo				
1	Trần Văn Bảo	cao lan	1977	Đồng Rã	
2	Vương Đức Điện	nùng	1977	Đồng Rã	
3	Hoàng Việt Dũng	Tày	1980	Bác Phong	
4	Hoàng Văn Tuấn	Nùng	1977	Bác Phong	
5	Võ Văn Tươi	kinh	1989	Tân Tiến	
6	Hà Văn Bình	tày	1973	Đồng Chuối	
7	Lê Văn Dũng	kinh	1989	Đoàn Kết	
8	Đỗ Văn Tĩnh	kinh	1980	Đoàn Kết	
9	Phạm Văn Hương	kinh	1989	Đoàn Kết	
10	Tô Đình Viên	Nùng	1984	Ba Phiêng	
11	Bế Văn Hùng	Tày	1982	Ba Phiêng	

12	Đàm Quang Thuận	Cao Lan	1964	Đông Vòi	
13	Dương Thị Định	Cao Lan	1980	Đông Vòi	
14	Trần Xuân Bắc	Cao Lan	1988	Đông Vòi	
15	Ma Văn Kê	Cao Lan	1981	Đông Vòi	
16	Trần Văn Học	Cao Lan	1978	Làng Chẽ	
17	Trần Văn Hoa	Cao Lan	1981	Làng Chẽ	
18	Âu Văn Trị	Cao Lan	1983	Làng Chẽ	
19	Nịnh Văn Minh	Cao Lan	1964	Làng Chẽ	
20	Trần Văn Khởi	Cao Lan	1988	Làng Chẽ	
21	Đàm Văn Thắng	Cao Lan	1985	Đông Quán	
22	Phạm Văn Quảng	kinh	1982	Đông Quán	
23	Đàm Văn Bản	Cao Lan	1952	Đông Quán	
24	Trần Văn Vệ	Cao Lan	1979	Đông Quán	
25	Lương Văn Thò	kinh	1973	Thịnh Khánh	
26	Phan Văn Sỹ	nùng	1966	Thịnh Khánh	
27	Nguyễn Thị My	kinh	1948	Làng Mùì	
28	Triệu Minh trung	Dao	1989	Làng Mùì	
29	Lý Tài Trường	Dao	1985	Làng Mùì	
30	Triệu Văn Kiểm	Dao	1987	Làng Mùì	
31	Triệu Khánh Ly	Dao	1984	Làng Mùì	
32	Đặng Văn Quang	Dao	1983	Làng Mùì	
33	Nguyễn Thị Miên	Kinh	1968	Làng Mùì	
34	Triệu Đức Hưng	Dao	1977	Làng Mùì	
35	Lê Thị Lý	kinh	1986	Tân Tiến	
36	Lê Văn Huynh	kinh	1982	Tân Tiến	
37	Nông Thị Hằng	Tày	2001	Làng Mùì	

102

UBND XÃ DÂN TIẾN

DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 592/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND xã Dân Tiến)

STT	Họ và tên chủ hộ	Dân tộc	năm sinh	Địa chỉ xóm	Ghi chú
I.	Hộ nghèo	5			
1	Hầu Văn Phình	H'Mông	1984	Lân Vai	
2	Lý Văn Mai	H'Mông	1984	Lân Vai	
3	Đào Văn Đình	H'Mông	1979	Lân Vai	
4	Đào Văn Sài	H'Mông	1988	Lân Vai	
5	Đào Văn Tùng	H'Mông	1981	Lân Vai	
6	Đào Văn Lý	H'Mông	1978	Lân Vai	
7	Lý Văn Văng	H'Mông	1994	Lân Vai	
8	Đào Văn Dính	H'Mông	1990	Lân Vai	
9	Đào Văn Phụng	H'Mông	1986	Lân Vai	
10	Đào Văn Mai	H'Mông	1983	Lân Vai	
11	Đào Văn Phong	H'Mông	1987	Lân Vai	
12	Hoàng Văn Đình B	H'Mông	1983	Lân Vai	
13	Hoàng Văn Minh	H'Mông	1993	Lân Vai	
14	Đào Văn Sinh	H'Mông	1959	Lân Vai	
15	LÝ Văn Lùng	H'Mông	1974	Lân Vai	
16	Lý Văn Tu	H'Mông	1951	Lân Vai	
17	Đào Văn Phụng	H'Mông	1977	Lân Vai	
18	Đào Văn Nó	H'Mông	1993	Lân Vai	
19	Lý Văn Xanh	H'Mông	1965	Lân Vai	
20	Hoàng Văn Đình	H'Mông	1974	Lân Vai	
21	Trần Văn Vừ	H'Mông	1989	Lân Vai	
22	Dương Văn Dĩa	H'Mông	1983	Lân Vai	
23	Trương Văn Dê	H'Mông	1986	Lân Vai	
24	Hầu Văn Páo	H'Mông	1959	Lân Vai	
25	Lý Sông Hồng	H'Mông	1990	Lân Vai	
26	Hầu Văn Sinh	H'Mông	1985	Lân Vai	
27	Đào Văn Đình B	H'Mông	1960	Lân Vai	
28	Đào Văn Phình	H'Mông	1987	Lân Vai	
29	Hầu Văn Dũng	H'Mông	1979	Lân Vai	
30	Đào Văn Trái	H'Mông	1993	Lân Vai	
31	Hoàng Thị Pằng	H'Mông	1992	Lân Vai	
32	Hoàng Văn Anh	H'Mông	1993	Lân Vai	
33	Đào Văn MINH	Hmông	1958	Lân Vai	
34	Đào Văn Vàng	H'Mông	2000	Lân Vai	
35	Hoàng Văn Bình	H'Mông	1992	Lân Vai	
36	Lý Văn Dê	H'Mông	1959	Lân Vai	
37	Dương Văn Sinh	H'Mông	1973	Lân Vai	

38	Đào Văn Pai	H'Mông	1979	Lân Vai	
39	Đào Văn Thắng	H'Mông	1995	Lân Vai	
40	Lý Văn Sài	H'Mông	1980	Lân Vai	
41	Lý Văn Hình	H'Mông	1992	Lân Vai	
42	Hoàng Văn Trọng	H'Mông	1993	Lân Vai	
43	Dương Văn Minh	H'Mông	1996	Lân Vai	
44	Lý Văn Hùng	H'Mông	1992	Lân Vai	
45	Hoàng Văn Phương	H'Mông	1995	Lân Vai	
46	Lý Văn Thanh	H'Mông	1998	Lân Vai	
47	Đào Văn Vinh	H'Mông	1995	Lân Vai	
48	Lý Văn Páo	H'Mông	1984	Lân Vai	
49	Đỗ Thị Nga	Kinh	1954	Đồng Rã	
50	Lý Văn Tinh	nùng	1986	Đồng Rã	
51	Mông Đức Thiệm	nùng	1953	Đồng Rã	
52	Hoàng Văn Lực	nùng	1968	Đồng Rã	
53	Nông Văn Báo	nùng	1952	Đồng Rã	
54	Mông Văn Cun	nùng	1941	Đồng Rã	
55	Lã Thị Oanh	nùng	1945	Đồng Rã	
56	Mông Thị Suối	nùng	1947	Đồng Rã	
57	Hà Thị Hạnh	nùng	1974	Đồng Rã	
58	Hoàng Thị Khánh	nùng	1971	Đồng Rã	
59	Hoàng Văn Nhâm	tày	1974	Đồng Rã	
60	Lâm Văn Thịnh	nùng	1968	Đồng Rã	
61	Đàm Văn Ngoan	nùng	1976	Đồng Rã	
62	Đàm Văn Chè	nùng	1966	Đồng Rã	
63	Mông Văn Tường	nùng	1975	Đồng Rã	
64	Nguyễn Văn Kinh	tày	1948	Đồng Rã	
65	Hà Văn Long	tày	1992	Đồng Rã	
66	Mông Văn Nhất	nùng	1966	Đồng Rã	
67	Hoàng Thị Hòa	tày	1982	Đồng Rã	
68	Hoàng Văn Huy	tày	1988	Đồng Rã	
69	Sầm Thị Nhi	nùng	1956	Đồng Rã	
70	Đàm Văn Hương	nùng	1992	Đồng Rã	
71	Lã Văn Hùng	nùng	1985	Đồng Rã	
72	Mông Văn Học	nùng	1976	Đồng Rã	
73	Nông Văn Vui	nùng	1981	Đồng Rã	
74	Mông Văn Quyết	nùng	1988	Đồng Rã	
75	Hà Thanh Kham	Tày	1952	Bắc Phong	
76	Lã Văn Tài	Nùng	1992	Bắc Phong	
77	Trương Văn Cao	Nùng	1974	Bắc Phong	
78	Hoàng Văn Đạt	Tày	1990	Bắc Phong	
79	Lê Thị Vĩnh	Tày	1972	Bắc Phong	
80	Triệu Văn Tạ	Nùng	1989	Bắc Phong	

81	Hầu Văn Đình	mông	1989	Bắc Phong	
82	Lê Quỳnh Lưu	Tày	1966	Bắc Phong	
83	Nông Thanh Xuân	Nùng	1948	Bắc Phong	
84	Hoàng Văn Đình	Tày	1977	Bắc Phong	
85	Hầu Văn Dậu	mông	1992	Bắc Phong	
86	Hà Văn Hiện	Tày	1978	Bắc Phong	
87	Trần Văn Khoa	kinh	1969	Bắc Phong	
88	Hoàng Thị Chi	mông	1953	Bắc Phong	
89	Hoàng Văn Cản	Tày	1979	Bắc Phong	
90	Phan Minh Lượng	Dao	1996	Bắc Phong	
91	Lã Thị Hoa	Nùng	1977	Bắc Phong	
92	Hoàng Văn Hồng	mông	1983	Bắc Phong	
93	Hoàng Văn Châu	mông	1966	Bắc Phong	
94	Hoàng Văn Sùng	mông	1964	Bắc Phong	
95	Hầu Văn Xuân	mông	1995	Bắc Phong	
96	Hầu Văn Thọ	mông	1984	Bắc Phong	
97	Hoàng Văn Cường	mông	1989	Bắc Phong	
98	Dương Văn Vứ	mông	1985	Bắc Phong	
99	Hầu Văn Pênh	mông	1994	Bắc Phong	
100	Hầu Văn Tàn	mông	1992	Bắc Phong	
101	Dương Văn Thành	mông	1999	Bắc Phong	
102	Lý Văn Tu	Mông	1953	Tân Tiến	
103	Lý Thị Sía	Mông	1962	Tân Tiến	
104	Ngô Thị Vàng	Mông	1968	Tân Tiến	
105	Hầu Văn Dê	Mông	1993	Tân Tiến	
106	Dương Văn Xi	Mông	1976	Tân Tiến	
107	Lâu Song Tu	Mông	1992	Tân Tiến	
108	Lý Thị Xí	Mông	1995	Tân Tiến	
109	Mạ Văn Linh	Mông	1990	Tân Tiến	
110	Lý Văn Vàng	Mông	1972	Tân Tiến	
111	La Văn Nhị	Mông	1990	Tân Tiến	
112	Lý Văn Dé	Mông	1979	Tân Tiến	
113	Mã Văn Sinh	Mông	1979	Tân Tiến	
114	Dương Văn Cường	Mông	1994	Tân Tiến	
115	Nguyễn Thị Tình	kinh	1980	Tân Tiến	
116	Lê Thị Lan	kinh	1953	Tân Tiến	
117	Lê Văn Thì	kinh	1949	Tân Tiến	
118	Dương Quý Đôn	kinh	1986	Tân Tiến	
119	lê thị vui	kinh	1986	Tân Tiến	
120	Lê Văn Lự	kinh	1948	Tân Tiến	
121	Lý Văn Dung	Mông	1986	Tân Tiến	
122	Hoàng Văn Anh	Mông	1997	Tân Tiến	
123	Nguyễn Văn Tình	kinh	1980	Tân Tiến	

124	Nguyễn Thị Nội	kinh	1953	Tân Tiến	
125	Ngô Văn Tác	kinh	1957	Tân Tiến	
126	Dương Văn Cao	Mông	1958	Tân Tiến	
127	Hầu Văn Minh	kinh	1973	Tân Tiến	
128	Lý Văn Dàng	Mông	1985	Tân Tiến	
129	Lâu Văn Ca	Mông	1988	Tân Tiến	
130	Lý Văn Giảng	Mông	1979	Tân Tiến	
131	Lý Văn Phong	Mông	1993	Tân Tiến	
132	Lê Văn Nam	kinh	1977	Tân Tiến	
133	Lý Văn Vành	Mông	1991	Tân Tiến	
134	Dương Văn Linh	Mông	1990	Tân Tiến	
135	Lê Thị Muõm	kinh	1946	Tân Tiến	
136	Nông Thị Tới	Tày	1952	Tân Tiến	
137	Hoàng Văn Khoa	kinh	1942	Tân Tiến	
138	Lâu Thị Vàng	Mông	1949	Tân Tiến	
139	Lý Văn Sinh	Mông	1986	Tân Tiến	
140	Lý Văn Linh	Mông	1991	Tân Tiến	
141	Mạ Văn Pá	Mông	1990	Tân Tiến	
142	Nguyễn Ngọc Phú	kinh	1971	Tân Tiến	
143	La Văn Trần	Mông	1986	Tân Tiến	
144	Lâu A Sành	Mông	1995	Tân Tiến	
145	Ngô Văn Thà	Mông	1980	Tân Tiến	
146	Lâu A Dầu	Mông	1999	Tân Tiến	
147	Sùng A Pá	Mông	1992	Tân Tiến	
148	Hứa Văn Hoàn	Nùng	1980	Tân Tiến	
149	Mạ Thị Sải	Mông	1990	Tân Tiến	
150	Lý Văn Viện	Mông	1994	Tân Tiến	
151	Đào Thị My	Mông	1989	Tân Tiến	
152	Lý Thanh Tùng	Mông	1985	Tân Tiến	
153	Dương Văn Súng	Mông	1983	Tân Tiến	
154	Lý Văn Sùng	Mông	1993	Tân Tiến	
155	Đào Văn Sinh	Mông	1984	Tân Tiến	
156	Lý Văn Đài	Mông		Tân Tiến	
157	Dương Văn Cọ	Mông		Tân Tiến	
158	Dương Văn Khinh	Mông	1994	Tân Tiến	
159	Lâm Thị Miền	nùng	1978	Đồng Chuối	
160	Hà Thúy Toi	tày	1958	Đồng Chuối	
161	Hà Thị Đàm	tày	1954	Đồng Chuối	
162	Hà Văn Mong	tày	1987	Đồng Chuối	
163	Lê Thị Ninh	kinh	1954	Đồng Chuối	
164	Nguyễn Công Đoài	Tày	1971	Đồng Chuối	
165	Nguyễn Kim Thiết	kinh	1970	Đồng Chuối	
166	Hà Thị Duyệt	tày	1962	Đồng Chuối	

167	Trần Thị Cúc	kinh	1963	Đông Chuối	
168	Lê Thị Dưỡng	kinh	1932	Đoàn Kết	
169	Lê Thị Trang	kinh	1990	Đoàn Kết	
170	Vũ Thị Đại	kinh	1959	Đoàn Kết	
171	Lê Thị Vui	kinh	1968	Đoàn Kết	
172	Dương Thị Dung	nùng	1973	Đoàn Kết	
173	Đỗ Thị Triển	kinh	1929	Đoàn Kết	
174	Phạm Thị Tinh	kinh	1953	Đoàn Kết	
175	Lê Thị Bích	kinh	1982	Đoàn Kết	
176	Nguyễn Thị Mẫn	kinh	1955	Đoàn Kết	
177	Lê Văn Hiếu	kinh	1990	Đoàn Kết	
178	Lê Văn Vụ	kinh	1971	Đoàn Kết	
179	Đỗ Thị Miến	kinh	1938	Đoàn Kết	
180	Đỗ Thị Để	kinh	1964	Đoàn Kết	
181	Đỗ Thị Thoa	kinh	1962	Đoàn Kết	
182	Lê Văn Sứ	kinh	1953	Đoàn Kết	
183	Vũ Văn Hình	kinh	1986	Đoàn Kết	
184	Nguyễn Văn Đăng	kinh	1995	Đoàn Kết	
185	Lê Văn Sơn	kinh	1977	Đoàn Kết	
186	Đỗ Văn Tĩnh	kinh	1993	Đoàn Kết	
187	Đỗ Văn Lâm	kinh	1993	Đoàn Kết	
188	Phạm Văn Kết	kinh	1991	Đoàn Kết	
189	Lê Văn Học	kinh	1989	Đoàn Kết	
190	Lê Văn Hiệp	kinh	1987	Đoàn Kết	
191	Lê Văn Nga	kinh	1953	Đoàn Kết	
192	Bùi Bắc Nguyên	kinh	1980	Đoàn Kết	
193	Lê Thanh Tùng		1991	Đoàn Kết	
194	Trần Văn Viên	cao lan	1989	Ba Phiêng	
195	Vũ Văn Lạc	kinh	1949	Ba Phiêng	
196	Trần Đức Minh	cao lan	1992	Ba Phiêng	
197	Bùi Văn Niên	kinh	1962	Ba Phiêng	
198	Lê Thị Hà	kinh	1955	Ba Phiêng	
199	Bùi Thị Loan	kinh	1978	Ba Phiêng	
200	Bé Văn Hạnh	Tày	1962	Ba Phiêng	
201	Nguyễn Sỹ Hùng	kinh	1995	Ba Phiêng	
202	Đinh Văn Khương	kinh	1979	Ba Phiêng	
203	Hoàng Văn Hồi	Tày	1987	Ba Phiêng	
204	Nguyễn Thị Ngọc	kinh	1955	Ba Phiêng	
205	Nguyễn Thị Sợi	cao lan	1976	Ba Phiêng	
206	Hà Minh Chiến	Tày	1968	Ba Phiêng	
207	Hoàng Văn Trung	Tày	1988	Ba Phiêng	
208	Đàm Duy Biên	Cao Lan	1987	Đông Vòi	
209	Hoàng Thị Ly	Cao Lan	1963	Đông Vòi	

210	Trần Văn Hoa	Cao Lan	1950	Đồng Vòi	
211	Nguyễn Thị Thanh	kinh	1961	Đồng Vòi	
212	Lê Thị Đảm	kinh	1959	Đồng Vòi	
213	Đàm Văn Toàn	Cao Lan	1972	Đồng Vòi	
214	Đàm Duy Cộng	Cao Lan	1979	Đồng Vòi	
215	Dương Thị Hạt	Cao Lan	1976	Đồng Vòi	
216	Ma Văn Tin	Cao Lan	1984	Đồng Vòi	
217	Đàm Văn Lâm	Cao Lan	1981	Đồng Vòi	
218	Ma Văn Tám	Cao Lan	1990	Đồng Vòi	
219	Đàm Văn Trân	Cao Lan	1938	Đồng Vòi	
220	Long Văn Kính	Cao Lan	1991	Đồng Vòi	
221	Hoàng Văn Chương	Cao Lan	1975	Làng Chẽ	
222	Trần Văn Viện	Cao Lan	1971	Làng Chẽ	
223	Phan Thị Vân	Cao Lan	1971	Làng Chẽ	
224	Vi Văn Trung	Cao Lan	1962	Làng Chẽ	
225	Hoàng Văn tài	Cao Lan	1959	Làng Chẽ	
226	Hoàng Văn Minh	Cao Lan	1946	Làng Chẽ	
227	Lục Văn An	Cao Lan	1982	Làng Chẽ	
228	Hoàng Văn nội	Cao Lan	1987	Làng Chẽ	
229	Nịnh Thị Hanh	Cao Lan	1954	Làng Chẽ	
230	Dương Văn Lý	Cao Lan	1987	Làng Chẽ	
231	Âu Thị Anh	Cao Lan	1971	Làng Chẽ	
232	Trần Văn Phượng	Cao Lan	1991	Làng Chẽ	
233	Đỗ Thị Mơ	Cao Lan	1965	Làng Chẽ	
234	Ninh Thị Đồng	Cao Lan	1943	Làng Chẽ	
235	Trần Văn Công	Cao Lan	1979	Làng Chẽ	
236	Sâm Thị Độ	Cao Lan	1947	Làng Chẽ	
237	Trần Văn Đình	Cao Lan	1971	Làng Chẽ	
238	Dương Văn Chúc	Cao Lan	1987	Làng Chẽ	
239	Đàm Văn Nghiêm	Cao Lan	1953	Làng Chẽ	
240	Trần Văn Hùng	Cao Lan	1994	Làng Chẽ	
241	Nịnh Thị Liên	Cao Lan	1958	Làng Chẽ	
242	Dương Văn Đức	Cao Lan	1972	Làng Chẽ	
243	Âu Văn Ngự	Cao Lan	1979	Làng Chẽ	
244	Âu Huy Giai	Cao Lan	1953	Làng Chẽ	
245	Nịnh Văn Lực	Cao Lan	1951	Làng Chẽ	
246	Nịnh Văn Thao	Cao Lan	1974	Làng Chẽ	
247	Trần Thị Quán	Cao Lan	1962	Làng Chẽ	
248	Đàm Văn Thực	Cao Lan	1985	Đồng Quán	
249	Đàm Văn Thìn	Cao Lan	1988	Đồng Quán	
250	Phạm Thanh Bình	kinh	1953	Đồng Quán	
251	Âu Văn Long	Cao Lan	1968	Đồng Quán	
252	Trần Thị Môn	Cao Lan	1974	Đồng Quán	

253	Đàm Văn Nông	Cao Lan	1974	Đồng Quán	
254	Đàm Thị Thành	Cao Lan	1960	Đồng Quán	
255	Đàm Văn Tập	Cao Lan	1977	Đồng Quán	
256	Trần Thị Tương	Cao Lan	1943	Đồng Quán	
257	Âu Văn Cười	Cao Lan	1961	Đồng Quán	
258	Lê Hồng Nguyên	Cao Lan	1986	Phương Bá	
259	Lý Thị Hào	nùng	1984	Thịnh Khánh	
260	Giáp Văn Quang	kinh	1973	Thịnh Khánh	
261	Hoàng Văn Mười	nùng	1983	Thịnh Khánh	
262	Nguyễn Cường Thịnh	tày	1960	Thịnh Khánh	
263	Hoàng Văn Quân	nùng	1949	Thịnh Khánh	
264	Triệu Quang Hà	Dao	1994	Làng Mười	
265	Phan Đức Dũng	Dao	1985	Làng Mười	
266	Đặng Thị Yên	Dao	1986	Làng Mười	
267	Phan Văn Chi	Dao	1978	Làng Mười	
268	Nguyễn Thị Lộc	Dao	1972	Làng Mười	
269	Nguyễn Văn Nguyên	kinh	1964	Làng Mười	
270	Triệu Tài Trường	Dao	1989	Làng Mười	
271	Ngô Thị Hải	kinh	1962	Làng Mười	
272	Nguyễn Văn Lợi	kinh	1956	Làng Mười	
273	Đặng Sinh Tiến	Dao	1975	Làng Mười	
274	Triệu Thị Nhi	Dao	1982	Làng Mười	
275	Triệu Thị Lan	Dao	1960	Làng Mười	
276	Triệu Thị Tân	Dao	1968	Làng Mười	
277	Triệu Thị Dương	Dao	1986	Làng Mười	
278	Lý Văn Đại	Dao	1983	Làng Mười	
279	Triệu Tiến Thăng	Dao	1963	Làng Mười	
280	Triệu Thị Nga	Dao	1970	Làng Mười	
281	Lý Tài Chung	Dao	1980	Làng Mười	
282	Triệu Thị Hoa	Dao	1974	Làng Mười	
283	Triệu Nho Quý	Dao	1958	Làng Mười	
284	Triệu Đức An	Dao	1983	Làng Mười	
285	Lý Tài Chương	Dao	1990	Làng Mười	
286	Triệu Tài Hội	Dao	1988	Làng Mười	
287	Bàn Hữu Tuấn	Dao	1991	Làng Mười	
288	Âu Xuân Đình	Cao Lan	1981	Làng Chẽ	
289	Trần Văn Vui	Cao Lan	1974	Làng Chẽ	
290	Trương Văn Chức	Tày	1978	Bắc Phong	
291	Hà Văn Vụ	Tày	1984	Đông Rã	
292	Trần Văn Hành	Cao Lan	1975	Làng Chẽ	
293	Thạch Văn Hòa	Cao Lan	1974	Ba Phiêng	
II.	Hộ cận nghèo				
1	Hoàng Văn Lý	H'Mông	1979	Lân Vai	

2	Đào Văn Thành	H'Mông	1985	Lân Vai	
3	Hầu Văn Thành	H'Mông	1980	Lân Vai	
4	Dương Văn Đình	H'Mông	1990	Lân Vai	
5	Lý Văn Ca	H'Mông	1987	Lân Vai	
6	Lý Văn Sang	H'Mông	1975	Lân Vai	
7	Lê Văn Thọ	Kinh	1990	Lân Vai	
8	Dương Văn Hành	H'Mông	1985	Lân Vai	
9	Đào Văn Sinh	H'Mông	1967	Lân Vai	
10	Lý Văn Tài	H'Mông	1981	Lân Vai	
11	Đào Văn Páo A	H'Mông	1953	Lân Vai	
12	Đào Văn Páo B	H'Mông	1982	Lân Vai	
13	Lý Sáng Tu	H'Mông	1969	Lân Vai	
14	Hoàng Văn Dính	H'Mông	1981	Lân Vai	
15	Hoàng Văn Hành	H'Mông	1986	Lân Vai	
16	Hoàng Văn Páo	H'Mông	1988	Lân Vai	
17	Trần Thị Minh	H'Mông	1983	Lân Vai	
18	Lã Xuân Trường	nùng	1984	Đồng Rã	
19	Nguyễn Văn Viên	Kinh	1976	Đồng Rã	
20	Đường Văn Hương	nùng	1983	Đồng Rã	
21	Lý Văn Đèo	nùng	1959	Đồng Rã	
22	Hoàng Văn Đanh	nùng	1950	Đồng Rã	
23	Lâm Văn Tuấn	nùng	1988	Đồng Rã	
24	Hà Văn Lượng	nùng	1990	Đồng Rã	
25	Lã Văn Bình	Nùng	1984	Bắc Phong	
26	Nông Văn Nguyễn	Nùng	1982	Bắc Phong	
27	Phùng Thị Hiệu	Nùng	1979	Bắc Phong	
28	Dương Công Hào	Tày	1980	Bắc Phong	
29	Hà Văn Linh	Tày	1985	Bắc Phong	
30	Trương Văn Công	Nùng	1982	Bắc Phong	
31	Hoàng Văn Cuối	Nùng	1990	Bắc Phong	
32	Nông Văn Quang	Nùng	1985	Bắc Phong	
33	Hoàng Văn Dũng	Nùng	1988	Bắc Phong	
34	Nông Hoài Viên	Nùng	1981	Bắc Phong	
35	Triệu Văn Vận	Nùng	1973	Bắc Phong	
36	Trương Văn Thành	Nùng	1979	Bắc Phong	
37	Hà Văn Bắc	Tày	1937	Bắc Phong	
38	Đỗ Văn Quyết	kinh	1976	Tân Tiến	
39	Lê Thị Hạ	kinh	1951	Tân Tiến	
40	Lê Quý Toàn	kinh	1986	Tân Tiến	
41	Vũ Văn Đình	kinh	1976	Tân Tiến	
42	Nguyễn Văn Bảo	kinh	1978	Tân Tiến	
43	Lê Thanh Bằng	kinh	1974	Tân Tiến	
44	Đào Văn Sinh	Mông	1950	Tân Tiến	

45	Nguyễn Thị Phó	kinh	1957	Tân Tiến	
46	Lê Trung Kiên	kinh	1980	Tân Tiến	
47	Nguyễn Văn Tuất	kinh	1994	Tân Tiến	
48	Đào Văn Vàng	Mông	1982	Tân Tiến	
49	Dương Văn Khư	Mông	1990	Tân Tiến	
50	Nguyễn Văn Hùng	kinh	1972	Tân Tiến	
51	Dương Văn Piai	Mông	1977	Tân Tiến	
52	La Văn Páo	Mông	1970	Tân Tiến	
53	Dương Văn Dinh	Mông	1985	Tân Tiến	
54	Lý Văn Dinh	Mông	1981	Tân Tiến	
55	Lý Văn Páo	Mông		Tân Tiến	
56	Lâu Văn Bằng	Mông	1976	Tân Tiến	
57	Ngô Thị Hạnh	tày	1988	Đông Chuối	
58	Hoàng Thị Thái	kinh	1964	Đoàn Kết	
59	Lê Thị Lan	kinh	1981	Đoàn Kết	
60	Lê Văn Chính	kinh	1964	Đoàn Kết	
61	Lê Văn Dũng	kinh	1989	Đoàn Kết	
62	Đỗ Văn Tĩnh	kinh	1980	Đoàn Kết	
63	Phạm Văn Hương	kinh	1989	Đoàn Kết	
64	Trần Văn Hòa	cao lan	1969	Ba Phiêng	
65	Đình Văn Lập	kinh	1963	Ba Phiêng	
66	Phan Thanh Thùy	cao lan	1986	Ba Phiêng	
67	Đỗ Thị Rự	Tày	1953	Ba Phiêng	
68	Thạch Văn Hòa	cao lan	1972	Ba Phiêng	
69	Đoàn Thị Tới	kinh	1960	Ba Phiêng	
70	Địch Văn dương	cao lan	1974	Ba Phiêng	
71	Hoàng Thị Nga	Tày	1953	Ba Phiêng	
72	Trần Văn Hưng	kinh	1982	Ba Phiêng	
73	Vũ Văn Hay	kinh	1978	Ba Phiêng	
74	Trần Sỹ Lê	Cao Lan	1987	Đông Vòi	
75	Đàm Văn Hòa	Cao Lan	1959	Đông Vòi	
76	Nguyễn Thị Hậu	kinh	1989	Đông Vòi	
77	Hoàng Văn Xuân	Cao Lan	1984	Đông Vòi	
78	Đàm Văn Hà	Cao Lan	1985	Đông Vòi	
79	Dương Văn Thân	Cao Lan	1979	Làng Chẽ	
80	Nịnh Văn Bạch	Cao Lan	1985	Làng Chẽ	
81	Dương Thị Đường	Cao Lan	1971	Làng Chẽ	
82	Đàm Văn Nhất	Cao Lan	1980	Đông Quán	
83	Địch Văn Chiến	Cao Lan	1979	Đông Quán	
84	Lê Thị Loan	kinh	1962	Đông Quán	
85	Trần Văn Trung	Cao Lan	1982	Đông Quán	
86	Hoàng Thị Nam	Cao Lan	1980	Đông Quán	
87	Ấu Văn Hạnh	Cao Lan	1980	Đông Quán	

88	Đàm Văn Nhượng	Cao Lan	1979	Đồng Quán	
89	Nông Văn Cao	Nùng	1983	Phương Bá	
90	Dương Văn Thành	Tày	1980	Phương Bá	
91	Hoàng Văn Hội	Cao Lan	1978	Phương Bá	
92	Nguyễn Văn Chí	Kinh	1960	Phương Bá	
93	Vi Văn Đại	tày	1968	Thịnh Khánh	
94	Lương Văn Hữu	tày	1976	Thịnh Khánh	
95	Hoàng Xuân Vượng	nùng	1976	Thịnh Khánh	
96	Trần Thị Mười	kinh	1971	Thịnh Khánh	
97	Phạm Thị Hiếu	kinh	1966	Thịnh Khánh	
98	Chu Văn Hào	kinh	1960	Thịnh Khánh	
99	Giáp Văn Tư	kinh	1980	Thịnh Khánh	
100	Phan Văn Toàn	nùng	1983	Thịnh Khánh	
101	Lương Văn Hường	kinh	1967	Thịnh Khánh	
102	Hoàng Văn Toán	nùng	1971	Thịnh Khánh	
103	Vi Văn Thường	tày	1982	Thịnh Khánh	
104	Chu Văn Ngọc	tày	1986	Thịnh Khánh	
105	Hoàng Thế Cải	tày	1982	Thịnh Khánh	
106	Vi Văn Trung	tày	1958	Thịnh Khánh	
107	Triệu Tài Phương	Dao	1985	Làng Mười	
108	Lý Thị Thu	Dao	1984	Làng Mười	
109	Dương Văn Lưu	Dao	1982	Làng Mười	
110	Triệu Hồng Thi	Dao	1994	Làng Mười	
111	Triệu Nho Lâm	Dao	1974	Làng Mười	
112	Triệu Thị Nây	Dao	1957	Làng Mười	
113	Triệu Tài Hòa	Dao	1982	Làng Mười	
114	Triệu Tài Minh	Dao	1957	Làng Mười	
115	Dương Văn Hải	Dao	1987	Làng Mười	
116	Triệu Khánh Hòa	Dao	1972	Làng Mười	
117	Hà Đức Mạnh	Kinh	1971	Làng Mười	
118	Lý Văn Duyên	Dao	1985	Làng Mười	
119	Bàn Hữu Tuyên	Dao	1990	Làng Mười	
120	Triệu Thị Thanh	Dao	1985	Làng Mười	
121	Phan Sinh Tiến	Dao	1964	Làng Mười	
122	Triệu Đức Quý	Dao	1981	Làng Mười	
123	Vi Văn Lập	Cao Lan	1983	Làng Mười	
124	Dương Văn Thường	Cao Lan	1979	Làng Mười	
125	Triệu Tiến Chung	Dao	1972	Làng Mười	
126	Triệu Đức Tuấn	Dao	1987	Làng Mười	
127	Phạm Phú Vinh	kinh	1989	Làng Mười	
128	Triệu Văn Hưng	Dao	1985	Làng Mười	
129	Dương Văn Thạch	Dao	1997	Làng Mười	
130	Phạm Thị Mùi	Dao	1958	Làng Mười	

131	Triệu Minh Hiếu	Dao	1998	Làng Mùoi	
132	Lê Văn Tiếp	Nùng	1994	Làng Mùoi	
133	Lý Thị Khánh	Dao	1964	Làng Mùoi	
134	Lý Văn Nhính	H'Mông	1979	Lân Vai	
135	Hoàng Văn Phùng	H'Mông	1969	Lân Vai	
136	Hoàng Khinh	H'Mông	1965	Lân Vai	
137	Trần Thị Phuong	nùng	1979	Đồng Rã	
138	Vi Văn BĂNG	nùng	1983	Đồng Rã	
139	Nông Thị Ngân	nùng	1992	Đồng Rã	
140	Hà Thị Thơm	nùng	1992	Đồng Rã	
141	Hà Thị Ty	Tày	1956	Bắc Phong	
142	Hoàng Văn Tu	mông	1995	Bắc Phong	
143	Nguyễn Huy Dung	kinh	1935	Tân Tiến	
144	Võ Minh Chiến	sê đăng	1984	Đồng Chuối	
145	Dương Tiến May	kinh	1950	Đoàn Kết	
146	Lê Văn Tuấn	kinh	1981	Đoàn Kết	
147	Đỗ Văn Thanh	kinh	1957	Đoàn Kết	
148	Phạm Thị Thắm	kinh	1989	Đoàn Kết	
149	Đặng Thị Xuyên	kinh	1965	Đoàn Kết	
150	Đình Văn Bôn	kinh	1989	Ba Phiêng	
151	Đình Thị Loan	kinh	1977	Ba Phiêng	
152	Vũ Thị Hậu	kinh	1981	Ba Phiêng	
153	Hoàng Thị Thục	Cao Lan	1981	Đồng Vòi	
154	Trần Văn Phong	Cao Lan	1980	Đồng Vòi	
155	Đàm thị Chung	Cao Lan	1990	Đồng Vòi	
156	Trần Lâm Hồ	Cao Lan	1983	Đồng Vòi	
157	Đàm Văn Hải	Cao Lan	1988	Đồng Vòi	
158	Đàm Văn Dũng	Cao Lan	1979	Đồng Vòi	
159	Đàm Văn Đa	Cao Lan	1961	Đồng Vòi	
160	Trần Văn Khóa	Cao Lan	1993	Đồng Vòi	
161	Triệu Văn Điền	Cao Lan	1962	Làng Chẽ	
162	Trần Thị Tịch	Cao Lan	1977	Làng Chẽ	
163	Hoàng Văn Đông	Cao Lan	1973	Làng Chẽ	
164	Hoàng Văn Bắc	Cao Lan	1984	Làng Chẽ	
165	Hoàng Văn Thanh	Cao Lan	1973	Làng Chẽ	
166	Hoàng Văn Bậy	Cao Lan	1986	Làng Chẽ	
167	Dương Văn Tài	Cao Lan	1989	Làng Chẽ	
168	Trần Văn Thức	Cao Lan	1975	Làng Chẽ	
169	Triệu thị chiến	Cao Lan	1966	Làng Chẽ	
170	Hoàng Văn Tự	Cao Lan	1979	Làng Chẽ	
171	Trần Thị Đàn	Cao Lan	1953	Làng Chẽ	
172	Nịnh Ngọc Văn	Cao Lan	1992	Làng Chẽ	
173	Trần Văn Chí	Cao Lan	1970	Làng Chẽ	

	Đàm Văn Lành	Cao Lan	1973	Đông Quán	
175	Đàm Văn Điện	Cao Lan	1959	Đông Quán	
176	Đàm Văn Thiết	Cao Lan	1982	Đông Quán	
177	Hoàng Văn Nghị	Cao Lan	1981	Phương Bá	
178	Giáp Văn Sơn	kinh	1978	Thịnh Khánh	
179	Triệu Tài Thanh	Dao	1985	Làng Mườì	
180	Triệu Tiến Sang	Dao	1984	Làng Mườì	
181	Đặng Đức Lâm	Dao	1985	Làng Mườì	
182	Triệu Nho Tiếp	Dao	1989	Làng Mườì	
183	Lý Tiến Chung	Dao	1961	Làng Mườì	
184	Đặng Văn Minh	Dao	1958	Làng Mườì	
185	Đặng Văn Thanh	Dao	1969	Làng Mườì	
186	Đặng Đức Sinh	Dao	1989	Làng Mườì	
187	Nguyễn Văn Hoa	kinh	1970	Làng Mườì	
188	Phan Văn Đại	Dao	1988	Làng Mườì	
189	Lê Thị Hằng	kinh	1986	Tân Tiên	
190	Lê Thị Phê	kinh	1963	Tân Tiên	
191	Đàm Duy Hiệu	Cao Lan	1978	Đông Vòi	
192	Trần Văn Cử	Cao Lan	1955	Đông Quán	
193	Phan Thị Hoa	nùng	1960	Thịnh Khánh	

2/2